

HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐỊNH HƯỚNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TRONG CÁC CỤM NGÀNH KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM CỦA VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HỒNG*

Dựa trên phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu phân tích đặc trưng, mối liên kết và cơ chế vận hành của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo định hướng trách nhiệm xã hội trong ba cụm ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam, gồm: công nghệ thông tin, chế biến chế tạo và nông nghiệp công nghệ cao. Kết quả cho thấy, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Việt Nam đã hình thành các cụm tác nhân cơ bản, gồm: Nhà nước, doanh nghiệp, viện/trường và tổ chức trung gian, song vẫn thiếu tính kết nối và cơ chế phối hợp hiệu quả. Việc tích hợp trách nhiệm xã hội mới dừng ở mức nhận thức, chưa trở thành động lực tạo giá trị hay nguồn lực hệ thống. Bài viết đề xuất tăng cường cơ chế đồng sáng tạo và đồng quản trị giữa các tác nhân; hoàn thiện chính sách tài chính, dữ liệu mở, quỹ đầu tư tác động và thúc đẩy đổi mới hợp tác trong các ngành chiến lược.

Từ khóa: Đổi mới sáng tạo; hệ sinh thái; trách nhiệm xã hội; kinh tế trọng điểm; Việt Nam.

Using a qualitative research approach, the study analyzes the characteristics, linkages, and operational mechanisms of a social responsibility-oriented innovation ecosystem across three key economic sectors in Vietnam: information technology, manufacturing and processing, and high-tech agriculture. The results indicate that Vietnam's innovation ecosystem has formed basic clusters of actors, including the State, enterprises, research institutes/universities, and intermediary organizations; however, it still lacks strong connectivity and effective coordination mechanisms. The integration of social responsibility remains at the level of awareness and has yet to become a driver of value creation or a systemic resource. The article proposes strengthening co-creation and co-governance mechanisms among stakeholders; improving policies on finance, open data, and impact investment funds; and promoting collaborative innovation in strategic sectors.

Keywords: Innovation; ecosystem; social responsibility; key economic sectors; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 19/12/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/3/2026

NGÀY DUYỆT: 17/4/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.363.2026.1471>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trở thành yếu tố then chốt của năng lực cạnh tranh và sức chống chịu kinh tế, mở rộng từ công nghệ sang

quản trị, mô hình kinh doanh và liên kết hệ sinh thái. Đồng thời, yêu cầu về phát triển

* TS, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

bền vững và trách nhiệm xã hội ngày càng gia tăng, đặt ra thách thức dung hòa giữa hiệu quả kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

Tại Việt Nam, nhiều chiến lược và chính sách lớn đã được ban hành nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hình thành hệ sinh thái quốc gia với doanh nghiệp là trung tâm, Nhà nước kiến tạo và viện/trường cung ứng tri thức. Tuy nhiên, liên kết giữa đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội vẫn chưa chặt chẽ, đặc biệt trong các cụm ngành kinh tế trọng điểm tập trung nguồn lực và tác động phát triển vùng.

2. Cơ sở lý luận

Trong hơn hai thập kỷ qua, tư duy về đổi mới sáng tạo đã chuyển từ cách tiếp cận tuyến tính sang cách tiếp cận hệ thống và mạng lưới. Theo Fischer và cộng sự (2022)¹, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo được hiểu là mạng lưới tương tác giữa các chủ thể bao gồm: doanh nghiệp, viện/trường, cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư và cộng đồng nhằm tạo ra, chia sẻ và ứng dụng tri thức để hình thành giá trị mới. Ở cấp độ cụm ngành, Cooke (2016)², Ascani và cộng sự (2020)³ cho rằng, hệ sinh thái này phản ánh mối liên kết giữa đổi mới và cấu trúc kinh tế vùng, đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh và tính tự chủ công nghệ của nền kinh tế.

Các nghiên cứu gần đây, như: Kayano Fukuda (2020)⁴, José Rabelo Neto và cộng sự (2024)⁵ cho rằng, đổi mới sáng tạo cần được định hướng bởi các giá trị xã hội, đạo đức và phát triển bền vững, từ đó, hình thành khái niệm đổi mới sáng tạo có trách nhiệm. Ở cấp độ doanh nghiệp, quan điểm này được phản ánh qua trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, theo Carroll (1999)⁶, gồm bốn tầng nghĩa vụ: *kinh tế, pháp lý, đạo đức và nhân văn*. Khi trách nhiệm xã hội được tích hợp vào đổi mới, quá trình nghiên cứu, phát triển, thương mại hóa không chỉ hướng tới hiệu quả kinh tế mà còn tạo giá trị xã hội tích cực

và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường (Bocken và cộng sự, 2019)⁷.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD, 2021)⁸, đây là mô hình hệ sinh thái mà trong đó: Chính phủ kiến tạo môi trường thể chế khuyến khích đổi mới có trách nhiệm; doanh nghiệp và các viện/trường đồng sáng tạo tri thức và công nghệ gắn với lợi ích xã hội; các tổ chức xã hội và cộng đồng tham gia giám sát, phản hồi và đồng hành trong quá trình đổi mới. Những mô hình tiên phong ở Phần Lan, Hà Lan (Chaminade & Randelli, 2020)⁹ cho thấy, việc kết hợp giữa đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội giúp hình thành hiệu ứng lan tỏa bền vững kép vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

Việc làm rõ cấu trúc tác nhân, cơ chế tương tác và mức độ lồng ghép trách nhiệm xã hội trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của ba cụm ngành trọng điểm, trong đó có công nghệ thông tin, chế biến - chế tạo và nông nghiệp công nghệ cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh. Dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn bán cấu trúc kết hợp với phân tích dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo quốc gia và quốc tế về đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Mẫu phỏng vấn được lựa chọn 18 cuộc phỏng vấn sâu và thực hiện từ tháng 5 - 9/2025, bao gồm: 3 đại diện cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND TP. Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hà Nội, sở Khoa học và Công nghệ, mã hóa QL1 - QL3), 10 doanh nghiệp (trong đó có startup và doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc ba ngành trọng điểm, mã hóa DN1 - DN10), 3 viện nghiên cứu/trường đại học (mã hóa VT1 - VT3) và 2 tổ chức trung gian (vườn ươm, quỹ đầu tư, hiệp hội ngành nghề, mã hóa TG1 - TG3).

3. Thực tiễn về kết quả nghiên cứu

Hiện nay, ở nước ta, doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, song đóng góp R&D và sở hữu trí tuệ hiện vẫn tập trung chủ yếu ở các tập

đoàn và doanh nghiệp lớn, trong khi SME còn hạn chế về nguồn lực và năng lực đổi mới. Qua kết quả phỏng vấn 10 doanh nghiệp (DN1 - DN10) cho thấy, doanh nghiệp đang chuyển từ vai trò thụ hưởng sang tác nhân trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, song mức độ chủ động và định hướng trách nhiệm xã hội khác biệt rõ giữa các ngành. Trong ngành công nghệ thông tin, các doanh nghiệp (DN1 - DN3) thể hiện động lực nội sinh mạnh trong đổi mới vì xã hội. Điều này cho thấy, tiềm năng đổi mới cao nhưng còn thiếu chuẩn mực thể chế hỗ trợ. Ở ngành chế biến chế tạo, các doanh nghiệp (DN4 - DN7) tập trung vào chuyển đổi xanh gắn với áp lực chuỗi cung ứng, gắn trách nhiệm xã hội trong nhóm này, vì vậy, mang tính đáp ứng bắt buộc hơn là tự nguyện. Trong nông nghiệp công nghệ cao, các doanh nghiệp (DN8 - DN10) đóng vai trò kết nối viện nghiên cứu và nông dân. Trong đó, DN10 phản ánh thiếu sự phối hợp với chính quyền địa phương, khiến sáng kiến khó nhân rộng.

Điểm chung ở cả ba ngành là doanh nghiệp đều thừa nhận vai trò then chốt của liên kết hệ sinh thái, nhưng nhiều liên kết còn “thiếu thực chất” (DN4, DN8). Các doanh nghiệp công nghệ thông tin kỳ vọng Nhà nước chuyển từ “cấp phát, kiểm soát” sang “đồng kiến tạo” (DN2, DN3), trong khi doanh nghiệp sản xuất mong có cơ chế khuyến khích rõ ràng hơn gắn với kết quả đổi mới xanh. Điều này cho thấy, doanh nghiệp Việt Nam đang tiến gần vai trò trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo định hướng trách nhiệm xã hội, nhưng vẫn phụ thuộc mạnh vào sự đồng bộ thể chế và cơ chế hỗ trợ.

Ở các viện/trường, trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo định hướng trách nhiệm xã hội, viện nghiên cứu và trường đại học giữ vai trò trung tâm trong tạo lập tri thức, đào tạo nhân lực và lan tỏa giá trị phát triển bền vững. Thực tiễn cho thấy, khu vực này đang chuyển từ nghiên cứu thuần túy sang các đề

tài có tác động xã hội và môi trường, thể hiện qua các nghiên cứu về SDGs, môi trường, kinh tế tuần hoàn và năng lượng sạch. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, việc tích hợp trách nhiệm xã hội trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ươm tạo vẫn còn mang tính hình thức, chưa trở thành tiêu chí đánh giá cốt lõi.

Ba viện/trường tham gia phỏng vấn (VT1 - VT3) đều khẳng định vai trò “nguồn phát sinh tri thức” trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, song mức độ tham gia các dự án đổi mới sáng tạo định hướng trách nhiệm xã hội còn hạn chế do thiếu cơ chế gắn kết lợi ích. Những ý kiến trả lời phỏng vấn đều phản ánh tình trạng “song hành tách rời” giữa khu vực học thuật và doanh nghiệp, thay vì đồng sáng tạo. Dù vậy, một số cơ sở nghiên cứu đã chủ động đưa trách nhiệm xã hội vào đào tạo và định hướng giá trị. Đây là tín hiệu cho thấy, khu vực viện/trường đang chuyển từ vai trò hỗ trợ sang định hướng giá trị trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Đối với tổ chức trung gian (vườn ươm, hiệp hội ngành, trung tâm đổi mới và quỹ đầu tư) được xem là mắt xích quan trọng trong việc kết nối tri thức với thị trường và lan tỏa các thực hành trách nhiệm xã hội trong hệ sinh thái đổi mới. Thời gian qua, một số tổ chức, như: NIC, NSSC hay Saigon Innovation Hub đã triển khai các chương trình huấn luyện về ESG và lồng ghép tiêu chí bền vững trong tăng tốc khởi nghiệp, đặc biệt với startup công nghệ thông tin và nông nghiệp công nghệ cao. Tuy nhiên, theo phản ánh từ các nhà điều phối, nhiều hoạt động vẫn phụ thuộc vào tài trợ ngắn hạn, khiến tính bền vững và khả năng nhân rộng còn hạn chế.

Dù vậy, đã xuất hiện những tín hiệu tích cực khi một số tổ chức mới (TG3) bắt đầu áp dụng công cụ ESG và đầu tư tác động, gắn huấn luyện với SDGs. Điều này chỉ ra xu hướng chuyển từ “hỗ trợ khởi nghiệp” sang “định hình hệ sinh thái có trách nhiệm”. Về phía Nhà nước - giữ vai trò trung tâm trong

kiến tạo thể chế và định hướng chính sách cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo định hướng trách nhiệm xã hội. Tuy nhiên, vai trò này chưa lan tỏa sâu tới các cụm ngành kinh tế trọng điểm, đặc biệt trong việc tích hợp mục tiêu đổi mới với phát triển bền vững.

Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo, trong đó, các chương trình phát triển tài sản trí tuệ và các quỹ hỗ trợ (NATEC, NAFOSTED, VINIF) xác định: “Chuyển đổi xanh không còn là một lựa chọn mà là yêu cầu tất yếu... Việt Nam cần tiếp tục thúc đẩy đổi mới sáng tạo... cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phát triển bền vững”¹⁰. Qua phỏng vấn về nội dung này, những ý kiến cũng phản ánh khoảng trống giữa định hướng vĩ mô và thực thi vi mô. Sự lệch pha còn thể hiện trong tương tác với các tác nhân khác. Một số địa phương, như: thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh đã triển khai các chương trình thí điểm gắn đổi mới sáng tạo với phát triển bền vững, bước đầu hướng tới mô hình “chính phủ kiến tạo đổi mới có trách nhiệm”.

4. Đánh giá kết quả

4.1. Doanh nghiệp: trung tâm của đổi mới nhưng thiếu năng lực liên kết

Trong ba ngành trọng điểm (công nghệ thông tin, chế biến chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao), doanh nghiệp vẫn là trung tâm của đổi mới nhưng năng lực liên kết và tích hợp tri thức bên ngoài còn yếu, khiến đổi mới chủ yếu mang tính nội sinh, phân tán và thiếu tính hệ thống.

Ở ngành công nghệ thông tin, startup và SME sáng tạo, nhanh nhạy với công nghệ số và thị trường ngách, song đổi mới chủ yếu dừng ở cải tiến sản phẩm/tính năng; đổi mới mô hình quản trị, hạ tầng dữ liệu và chuẩn kết nối với viện/trường, startup khác còn hạn chế, làm suy yếu khả năng hình thành cụm công nghệ và liên minh số.

Trong chế biến chế tạo, đổi mới bị chi phối bởi áp lực chi phí và năng lực tài chính, tập trung vào nâng cao năng suất hơn là đổi

mới quản trị bền vững và liên kết chuỗi giá trị mở. Thiếu kết nối với tổ chức nghiên cứu khiến nâng cấp công nghệ phụ thuộc vào nhập khẩu, hạn chế nội địa hóa tri thức.

Với nông nghiệp công nghệ cao, nhiều ý tưởng sáng tạo xuất hiện (truy xuất nguồn gốc, canh tác thông minh, logistics) nhưng hoạt động còn rời rạc, thiếu nền tảng dữ liệu chung và hợp tác viện/trường. Chi phí R&D cao và cơ chế hỗ trợ công kém linh hoạt tiếp tục cản trở mở rộng quy mô.

4.2. Viện/trường: nguồn tri thức chưa chuyển hóa thành động lực đổi mới

Hệ thống viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học giữ vai trò then chốt trong cung ứng tri thức, công nghệ và nhân lực cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, liên kết giữa tri thức khoa học và nhu cầu đổi mới của doanh nghiệp Việt Nam còn lỏng lẻo, khiến nhiều kết quả nghiên cứu dừng lại trong học thuật, chưa tạo ra giá trị kinh tế - xã hội rõ nét.

Trong ngành công nghệ thông tin, các trường đại học đã hình thành phòng lab AI, dữ liệu lớn (Big Data), Blockchain hay IoT, song hợp tác với doanh nghiệp chủ yếu giới hạn ở đào tạo hoặc dự án ngắn hạn, thiếu mô hình đồng phát triển và thương mại hóa. Cơ chế chia sẻ lợi ích chưa rõ ràng giữa nhà trường - giảng viên - doanh nghiệp làm hạn chế việc đưa sáng chế ra thị trường.

Ở ngành chế biến chế tạo, viện/trường có thế mạnh về vật liệu, tự động hóa và năng lượng, nhưng cơ chế đặt hàng nghiên cứu yếu khiến hướng nghiên cứu chưa sát nhu cầu doanh nghiệp. Thiếu nền tảng trung gian chuyển giao công nghệ làm gia tăng khoảng cách giữa nghiên cứu và sản xuất, trong khi các mô hình ươm tạo công nghệ còn manh mún, thiếu nguồn lực bền vững.

Với nông nghiệp công nghệ cao, dù đã tạo ra nhiều giống, quy trình và mô hình canh tác mới, quá trình chuyển giao cho doanh nghiệp và hợp tác xã vẫn chậm do

thiếu trung gian, thiếu vốn hóa đầu ra và khác biệt giữa ngôn ngữ nghiên cứu và ngôn ngữ thị trường, khiến tri thức khoa học khó được hấp thụ và mở rộng ứng dụng.

4.3. Tổ chức trung gian: cầu nối yếu giữa tri thức và thị trường

Các tổ chức trung gian, như: vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư, hiệp hội ngành nghề và sàn kết nối công nghệ giữ vai trò liên kết tri thức với thị trường. Tuy nhiên, trong hệ sinh thái đổi mới của Việt Nam, nhóm tác nhân này còn non trẻ, phân tán, thiếu phối hợp và nguồn lực ổn định, khiến dòng chảy từ nghiên cứu đến thương mại hóa chưa thông suốt.

Trong ngành công nghệ thông tin, dù đã hình thành một số trung tâm đổi mới và thu hút startup, hệ sinh thái đầu tư sau ươm tạo còn yếu, làm hạn chế khả năng mở rộng quy mô. Sự thiếu kết nối giữa quỹ đầu tư với viện/trường gây đứt gãy chuỗi nghiên cứu - thử nghiệm - thương mại hóa, buộc nhiều startup phụ thuộc vào vốn quốc tế.

Ở ngành chế biến chế tạo, các tổ chức trung gian chủ yếu dừng ở hỗ trợ hành chính và thông tin, chưa thực sự đóng vai trò môi giới tri thức và đổi mới quy trình. Việc thiếu các tổ chức môi giới công nghệ chuyên nghiệp khiến doanh nghiệp khó tiếp cận kết quả nghiên cứu trong nước, còn viện/trường thiếu kênh phản hồi từ thực tiễn sản xuất.

Với nông nghiệp công nghệ cao, hợp tác xã và các tổ chức hỗ trợ bước đầu kết nối tri thức bản địa với công nghệ hiện đại, song hoạt động còn tự phát, quy mô nhỏ và thiếu chuẩn hóa. Các trung tâm khuyến nông và vườn ươm nông nghiệp đã có sáng kiến nhưng thiếu vốn, hạ tầng dữ liệu và cơ chế nhân rộng, làm hạn chế tốc độ lan tỏa đổi mới.

4.4. Nhà nước: định hướng chính sách còn phân tán, thiếu công cụ thúc đẩy đồng sáng tạo

Nhà nước giữ vai trò kiến tạo hệ sinh thái đổi mới sáng tạo thông qua khung thể chế,

định hướng chiến lược và phân bổ nguồn lực. Dù thể hiện cam kết thúc đẩy đổi mới gắn với phát triển bền vững, việc phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương còn thiếu thống nhất, dẫn tới chính sách phân tán và công cụ thực thi chưa đồng bộ, đặc biệt ở các ngành trọng điểm.

Trong ngành công nghệ thông tin, Nhà nước đã đầu tư phát triển hạ tầng số, khu công nghệ cao và chương trình hỗ trợ khởi nghiệp. Tuy nhiên, chính sách chủ yếu nhấn mạnh công nghệ và năng lực cạnh tranh, trong khi yếu tố trách nhiệm xã hội và phát triển bao trùm chưa được lồng ghép rõ trong các chương trình đổi mới.

Đối với ngành chế biến chế tạo, chính sách tập trung vào ưu đãi thuế, đổi mới công nghệ và chuyển đổi xanh, song thiên về hỗ trợ đầu vào hơn là thúc đẩy liên kết tri thức và đổi mới tổ chức. Việc thiếu nền tảng dữ liệu và tiêu chí đánh giá tác động xã hội làm hạn chế khả năng tiếp cận chính sách của doanh nghiệp theo định hướng trách nhiệm xã hội.

Trong nông nghiệp công nghệ cao, Nhà nước giữ vai trò nổi bật thông qua các chương trình khuyến nông, hỗ trợ nông nghiệp số và đổi mới sáng tạo vùng. Tuy nhiên, cách tiếp cận hành chính từ trên xuống vẫn phổ biến, hạn chế sự tham gia đồng sáng tạo của nông dân và doanh nghiệp nhỏ; các cơ chế hợp tác công - tư còn hạn chế về quy mô và minh bạch.

5. Một số hàm ý chính sách

Thứ nhất, xây dựng khung chính sách tích hợp trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững vào đổi mới sáng tạo. Nhà nước nên ban hành bộ tiêu chí quốc gia về đổi mới sáng tạo bền vững, trong đó lồng ghép các chỉ số về ESG, đổi mới xanh và đổi mới bao trùm.

Trong ngành công nghệ thông tin, chính sách cần khuyến khích doanh nghiệp phát triển sản phẩm số phục vụ cộng đồng (chính phủ số, giáo dục số, y tế số), thay vì chỉ tập trung vào năng suất công nghệ.

Ở ngành chế biến chế tạo, cần gắn đổi mới công nghệ với mục tiêu giảm phát thải và sản xuất sạch hơn, đi kèm tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng.

Với nông nghiệp công nghệ cao, nên tích hợp các tiêu chí phát triển xanh, công bằng và bao trùm (ví dụ: hỗ trợ nông dân nhỏ, bình đẳng giới trong đổi mới nông nghiệp). Việc ban hành khung tiêu chí thống nhất sẽ giúp liên thông chính sách giữa Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng các địa phương, tránh tình trạng chồng chéo và phân tán trong thực thi.

Thứ hai, thiết lập cơ chế tài chính và khuyến khích đầu tư tác động. Cần hình thành Quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo bền vững quốc gia hoặc Quỹ đồng đầu tư công - tư, ưu tiên cho các startup có tác động xã hội rõ ràng.

Đối với doanh nghiệp chế biến chế tạo, có thể áp dụng cơ chế tín dụng xanh và giảm thuế cho dự án đổi mới tiết kiệm năng lượng.

Với nông nghiệp công nghệ cao, cần mở rộng chương trình bảo lãnh tín dụng và trợ cấp lãi suất cho mô hình hợp tác nông dân - doanh nghiệp - viện nghiên cứu.

Trong ngành công nghệ thông tin, có thể thiết kế gói tài trợ “công nghệ xã hội” cho các dự án phát triển nền tảng số phục vụ giáo dục, y tế hay quản trị địa phương. Những cơ chế này giúp khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đầu tư tác động, đồng thời tạo nguồn vốn trung hạn cho đổi mới định hướng trách nhiệm xã hội.

Thứ ba, tăng cường vai trò của viện/trường như hạt nhân tri thức trong hệ sinh thái. Các viện nghiên cứu và trường đại học cần được trao quyền tự chủ mạnh hơn trong hợp tác doanh nghiệp; đồng thời, Nhà nước nên hỗ trợ hình thành các trung tâm đồng sáng tạo liên ngành.

Trong ngành công nghệ thông tin, có thể phát triển “môi trường thử nghiệm mở” kết nối trường đại học - startup - địa phương để thử nghiệm sản phẩm xã hội số.

Với chế biến chế tạo, cần hình thành mạng lưới “Phòng thí nghiệm đổi mới sáng

ạo” về vật liệu xanh, năng lượng sạch, do trường/viện dẫn dắt nhưng doanh nghiệp đồng tài trợ.

Trong nông nghiệp công nghệ cao, nên nhân rộng mô hình “đồng nghiên cứu - đồng sản xuất” giữa trường nông nghiệp và hợp tác xã công nghệ. Việc tái định vị vai trò viện/trường giúp dịch chuyển từ nguồn cung tri thức sang đối tác sáng tạo đồng hành cùng doanh nghiệp và cộng đồng, tạo nên dòng chảy tri thức hai chiều trong hệ sinh thái.

Thứ tư, nâng cao năng lực tổ chức trung gian và tạo hành lang pháp lý cho đồng sáng tạo. Các tổ chức trung gian, như: vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo, hiệp hội ngành nghề hiện chủ yếu hoạt động ngắn hạn, phụ thuộc dự án. Do đó, cần củng cố năng lực quản trị, tiêu chuẩn hóa dịch vụ và cơ chế công nhận pháp lý cho các đơn vị này. Nhà nước có thể thí điểm mô hình “Nền tảng quan hệ đối tác đổi mới”, nơi doanh nghiệp, viện/trường và tổ chức trung gian cùng chia sẻ dữ liệu, công nghệ và nguồn lực.

Ở ngành chế biến chế tạo, các hiệp hội ngành hàng có thể được giao vai trò điều phối mạng lưới đổi mới cụm ngành.

Trong nông nghiệp công nghệ cao, cần mở rộng vai trò các trung tâm khởi nghiệp xanh thành cầu nối liên kết giữa sáng chế - ứng dụng - cộng đồng nông thôn.

Thứ năm, chuyển đổi vai trò của Nhà nước từ quản lý sang kiến tạo đồng sáng tạo. Nhà nước cần thay đổi tư duy chính sách theo hướng không chỉ điều tiết mà chủ động tham gia thiết kế, thử nghiệm và học hỏi cùng các tác nhân.

Ở ngành công nghệ thông tin, Nhà nước có thể đóng vai trò người dùng thử của công nghệ xã hội, như nền tảng số phục vụ công dân yếu thế.

Trong chế biến chế tạo, nên triển khai chính sách thí điểm cho các sáng kiến xanh - xã hội, giúp doanh nghiệp nhỏ thử nghiệm giải pháp mà không gặp rào cản hành chính.

Với nông nghiệp công nghệ cao, các địa phương có thể áp dụng cơ chế đồng đầu tư công - tư - cộng đồng”, trong đó chính quyền địa phương góp phần bằng đất, hạ tầng hoặc nguồn nhân lực. Việc chuyển đổi này giúp xây dựng mô hình quản trị linh hoạt, thích ứng và hướng tới học hỏi liên tục, thay vì quản lý hành chính thuần túy.

Thứ sáu, thiết lập hệ thống đo lường và đánh giá tác động đổi mới sáng tạo. Để bảo đảm hiệu quả thực thi, cần xây dựng bộ chỉ số quốc gia về tác động đổi mới sáng tạo, bao gồm các chỉ số định lượng và định tính phản ánh tác động kinh tế - xã hội và môi trường. Điều này không chỉ giúp đánh giá chính xác hiệu quả chính sách mà còn tạo động lực cho doanh nghiệp và tổ chức trung gian theo đuổi đổi mới có trách nhiệm xã hội.

6. Kết luận

Các startup công nghệ Việt Nam đang thể hiện năng lực đổi mới mạnh mẽ trong cả đề xuất giá trị và mô hình tạo ra giá trị, phản ánh sự thích ứng linh hoạt với bối cảnh chuyển đổi số và áp lực cạnh tranh toàn cầu. Doanh nghiệp khởi nghiệp chú trọng giải pháp công nghệ lõi, mô hình kinh doanh linh hoạt và hợp tác mở để tạo lợi thế khác biệt. Cơ quan quản lý nhà nước từng bước chuyển vai trò từ quản lý sang kiến tạo, song vẫn cần hoàn thiện chính sách thử nghiệm và hỗ trợ vốn mạo hiểm. Các tổ chức trung gian ngày càng đóng vai trò quan trọng trong kết nối, ươm tạo và tư vấn nhưng hiệu quả chưa đồng đều giữa các địa phương. Qua kết quả nghiên cứu, góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho lý thuyết đổi mới mô hình kinh doanh trong bối cảnh thị trường mới nổi; đồng thời, gợi ý hướng chính sách nhằm phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở tại Việt Nam □

Chú thích:

1. Bruno Fischer, Dirk Meissner, Nicholas Vonortas, Maribel Guerrero. (2022). *Spatial features of entrepreneurial ecosystems*. Journal of Business Research, Vol. 147.

2. Cooke, P. (2001). *Regional innovation systems, clusters, and the knowledge economy*. Industrial and Corporate Change, 10(4), 945 - 974.

3. Ascani, A., Bettarelli, L., Resmini, L., & Balland, P. (2020). *Global networks, local specialisation and regional patterns of innovation*. Research Policy, 49(8), 104031.

4. Fukuda, K. (2019). *Science, technology and innovation ecosystem transformation toward Society 5.0*. International Journal of Production Economics, 220, 107460.

5. Neto, J. R., Figueiredo, C., Gabriel, B. C., & Valente, R. (2024). *Factors for innovation ecosystem frameworks: Comprehensive organizational aspects for evolution*. Technological Forecasting and Social Change, 203, 122512.

6. Carroll, A. B. (1999). *Corporate social responsibility: Evolution of a definitional construct*. Business & Society, 38(3), 268-295. <https://doi.org/10.1177/000765039903800303>.

7. Bocken, N., Strupeit, L., Whalen, K., & Nußholz, J. (2019). *A review and evaluation of circular business model innovation tools*. Sustainability, 11(8), 2210. <https://doi.org/10.3390/su11082210>.

8. OECD. (2021). *Building local ecosystems for social innovation: A methodological framework (OECD Local Employment and Economic Development (LEED) Papers)*. OECD Publishing. <https://www.oecd.org>, truy cập ngày 10/12/2025.

9. Chaminade, C., & Randelli, F. (2020). *The role of territorially embedded innovation ecosystems accelerating sustainability transformations: A case study of the transformation to organic wine production in Tuscany (Italy)*. Sustainability, 12(11), 4621. <https://doi.org/10.3390/su12114621>.

10. BambuUP, Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp khoa học và công nghệ (NATEC) và Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia (NSSC) (2023). *Báo cáo hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở Việt Nam năm 2023*.

Tài liệu tham khảo:

1. Thủ tướng Chính phủ (2019). *Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030*.

2. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030*.